TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2017/HNGĐ - ST
Ngày 12 tháng 12 năm 2017
V/v: " Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân dân: 1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 - Ông Nguyễn Xuân Hoàng;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017; về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2017/QĐST - DS ngày 27/11/2017giữa:

+ *Nguyên đơn*: Chị Tạ Thị H - sinh năm 1980 (Có mặt);

+ *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1981(Vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Xóm T B, Thôn T, xã H T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và đơn khởi kiện ngày27 tháng 6 năm 2017 và ngày 03 tháng 7 năm 2017, bản tự khai ngày 17/7/2017 tại Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang (BL 01; 02; 03; 21), chị Tạ Thị H trình bày trình bày:

1- Về quan hệ Hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 68 /2005 ngày 21 tháng 12 năm 2005, tại Uỷ ban nhân dân xã H T, huyên H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi tổ chức cưới, Chị về chung sống cùng anh T ngay, vợ chồng Chị chung sống cùng bố mẹ anh T được gần 01 năm thì ăn ở riêng, mâu thuẫn vợ chồng sảy ra khi Chị sinh con đầu được khoảng 01 tháng, mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thường xuyên về sau này. Nguyên nhân sảy ra mâu thuẫn là do anh T ham chơi cờ bạc, khi thua bạc anh T về nhà yêu cầu Chị đưa tiền, Chị không đưa

thì anh T lại đánh chửi Chị, ngoài ra anh T còn có quan hệ với người phụ nữ khác và không chịu làm ăn. Tình cảm vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, anh T thường xuyên đánh chửi Chị, Chị đã nhiều lần bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống. Tháng 01 năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng, Chị và các con đã sang nhà bố mẹ anh T sinh sống. Vợ chồng sống ly thân. Chị xác định không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được, Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao cho anh Nguyễn Văn T thông báo về việc thụ lý vụ án, đồng thời giải thích trợ giúp pháp lý theo quy định cho anh T, anh T đã nhận thông báo thụ lý nhưng không ký biên bản giao nhận, đồng thời có ý kiến không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý nào và không ký biên bản giải thích trợ giúp pháp lý.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn là chị H về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản. Tòa án đã nhiều lần báo anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh T không hợp tác. Tòa án đã giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T để mở phiên họp và phiên hòa giải vào các ngày 14/8/2017; 22/9/2017, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy các phiên họp và hòa giải không tiến hành được theo quy định tại Khoản 1 Điều 207; Khoản 1, 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự. Về biên bản phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Tòa án đã giao cho anh Tứ;

Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Hương Tr - sinh ngày 05/06/2006; Nguyễn Công Th - sinh ngày 17/11/2008 và Nguyễn Hương Ngọc H - sinh ngày 13/8/2001. Hiện nay 03 con chung đang sinh sống cùng chị H ở nhà bố mẹ anh T. Ly hôn chị H xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 03 con chung, chị H không yêu cầu anh Tứ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng Chị.

Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2017 và bản tự khai, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà hai tầng có diện tích khoảng 200m^2, nằm trên diện tích đất đang đứng tên bố mẹ anh T và giải quyết chia quầy bán thuốc Tân dược trị giá khoảng 50.000.000đồng. Ngày 02/11/2017 Chị H đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản đối với ngôi nhà 02 tầng có diện tích khoảng 200m^2 và giải quyết chia quầy thuốc Tân dược, để Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tạ Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T, giải quyết về con chung. Chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Công Th - sinh ngày 17/11/2008 và Nguyễn Hương Ngọc H - sinh ngày 13/8/2001; Anh T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hương Tr - sinh ngày 05/06/2006. Chị và anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tại các bản tự khai ngày 17/7/2017, các con chung từ 07 tuổi trở lên của chị H và anh T là cháu Nguyễn Hương Tr, Nguyễn Công Th đều có ý kiến (BL: 23;

24), nếu bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng xin được sinh sống cùng mẹ là chị Tạ Thị H.

Tại phiên tòa bị đơn là anh T vắng mặt, nên các đương sự không có ý kiến để thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b Khoản2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành xét xử.

Về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo quy định tại Điều 205 và Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đ- ơng sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Do bị đơn là anh T đã đ- ợc Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nh- ng đều vắng mặt tại phiên họp và hòa giải không có lý do, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải và phiên họp đ- ợc là đã tuân thủ đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 và Khoản 1,2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham chơi bời cờ bạc, không tập trung làm ăn, không quan tâm đến gia đình, ngoải ra anh Tứ còn có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng hay sảy ra đánh, cãi chửi nhau. Chị H và 03 con chung đã phải bỏ sang sinh sống cùng bố mẹ anh T từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài và không quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, cũng như lời khai có trong hồ sơ vụ án. Ý kiến của chính quyền địa phương nơi chị H và anh T sinh sống, thì vợ chồng chị H và anh T hay sảy ra mâu thuẫn đánh, cãi chửi nhau, chị H đã có nhiều lần trình báo chính quyền xóm T B, Tổ an ninh thôn T đến giải quyết và hòa giải, do mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Chị H, anh T đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay và không quan tâm quan hệ gì với nhau. Nguyên nhân do anh T ham chơi, không chịu làm ăn hay gây sự đánh chửi chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích hôn nhân giữa chị Tạ Thị H và anh Nguyễn Văn T không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng.Chị H và anh T đã sống ly thân một thời gian, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn

với anh Nguyễn Văn T và giải quyết con chung. Vì vậy việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Tạ Thị H với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị Tạ Thị H.

+ Về con chung: Chị H và anh T có 03 con chung là Nguyễn Hương Tr - sinh ngày 05/06/2006; Nguyễn Công Th - sinh ngày 17/11/2008 và Nguyễn Hương Ngọc H - sinh ngày 13/8/2001, hiện nay 03 con chung đang sinh sống cùng chị H và bố mẹ anh T. Ly hôn chị H xin được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Công Th - sinh ngày 17/11/2008 và Nguyễn Hương Ngọc H - sinh ngày 13/8/2001; Anh T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hương Tr - sinh ngày 05/06/2006. Chị và anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Khi giao các giấy tờ tố tụng cho anh T, anh T có nói về nguyện vọng được nuôi con sau ly hôn. Do tại phiên hòa giải anh T không có mặt, nên chị H và anh T không thỏa thuận được về con chung, xét về điều kiện hiện tại, mặc dù chị H có mở cửa hàng để kinh doanh thuốc Tân dược, nhà cửa chưa ổn định. Anh T hiện đang chung sống trên ngôi nhà của vợ chồng, nhưng về công việc và thu nhập chưa ổn định. Do vậy nên cần phải giao cho chị H và anh T nuôi con như đề nghị của chị H ở trên là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn T, chị Tạ Thị H đều có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên sau ly hôn là phù hợp qui định tại Khoản 1 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T đều là người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị H nuôi dưỡng 02 con, anh T nuôi dưỡng 01 con, nhưng chị H không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng Chị, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác: Yêu cầu của chị H về việc giải quyết chia tài sản gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng có diện tích sàn khoảng 200m^2, nằm trên diện tích đất đang đứng tên bố mẹ của anh T là ông T, bà L 01 quầy thuốc Tân dược trị giá khoảng 50.000.000đồng, trước khi mở phiên tòa chị H đã rút toàn bộ yêu cầu này, để Chị và Nguyễn Văn T tự thỏa thuận giải quyết. Việc rút yêu cầu này của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên Tòa chị H vẫn giữ nguyên ý kiên xin rút về yêu cầu này, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này, chị H có quyền khởi kiện đối với yêu cầu này bằng một vụ án khác.

+ Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả chị Tạ Thị H tiền tạm ứng án phí đã nộp về yêu cầu chia tài sản.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án mà Kiểm sát viên có ý kiến: Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và đảm bảo đúng qui định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

+ □p dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 146; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2, Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2 - Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Công Th - sinh ngày 17/11/2008 và Nguyễn Thị Ngọc H - sinh ngày 13/8/2001; Anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hương Tr - sinh ngày 05/06/2006. Chị và anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị H, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Trường hợp sau này người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, có yêu cầu về thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, khi có yêu cầu thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh Nguyễn Văn T, chị Tạ Thị H có quyền thăm nom, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị H, anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T, chị H thực hiện quyền này.

3 - Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của chị Tạ Thị H về giải quyết chia tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng có diện tích khoảng 200m^2 nằm trên diện tích đất đang đứng tên ông T và bà L ở xóm T B, thôn T, xã H T, huyện H và 01 quầy thuốc Tân dược có giá trị khoảng 50.000.000đồng mà hiện nay anh T đang quản lý, do chị H tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu này. Chị Tạ Thị H có quyền khởi kiện đối với yêu cầu này bằng một vụ án khác.

4 - Về án phí: Chị Tạ Thị H phải chịu toàn bộ án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.050.000đồng (Mười một triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), mà chị H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0001707 ngày 17/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả chị Tạ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.750.000đồng (Mười triệu, bẩy trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị H đã nộp đủ tiền án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- UBND xã H T;
- L- u hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Công Hoan